TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-PT
Ngày 15/5/2023.
V/v: "Tranh chấp HNGĐ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuấn.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Kim Khánh và ông Vũ Văn Tú

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hùng - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2022/TLPT-HNGĐ, ngày 22 tháng 11 năm 2022, về việc:*"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2022/HNGĐ-ST, ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐ-PT, ngày 19 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐ-PT, Ngày 15/02/2023, thông báo chuyển lịch và thông báo mở lại phiên tòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Lê N. Vắng mặt.

Địa chỉ: Buôn Dl A, xã Dl, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Tạm trú: 79 NY, phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Dương Văn S; Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Buôn Dl A, xã Dl, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Dương Văn L. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: thôn 4, xã Hòa Thắng, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Anh Dương Văn Tr. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: thôn 1, xã EB, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk.

+ Ngân hàng L – Chi nhánh K – PGD B1.

Người đại diện được ủy quyền: ông Nguyễn Văn V – Chuyên viên tín dụng PGD B1. Vắng mặt.

Địa chỉ: 495, 497 – đường VH – thị xã B1 - tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong đơn khởi kiện, bản tự khai bà Trần Thị Lê N trình bày:* Về hôn nhân, tôi và ông Dương Văn S yêu nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn E vào ngày 11/01/2011. Trong quá trình chung sống, chúng tôi không cùng chí hướng, suy nghĩ, làm ăn và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tôi bị đánh đập miệt thị, chửi bới ảnh hưởng đến sức khỏe và tinh thần của tôi, đe dọa sự phát triển của các con tôi.

Trong quá trình chung sống, tôi cảm thấy không thể tiếp tục mối quan hệ vợ chồng nên tôi làm đơn mong giải quyết cho chúng tôi được ly hôn.

Về con chung, chúng tôi có 02 con là Dương Trần Quốc V - sinh ngày 06/11/2011 và Dương Trần Thúy V1 – sinh ngày 02/8/2017. Nguyện vọng của tôi nhận nuôi cháu V1 đến tuổi trưởng thành, giáo cháu V cho ông S nuôi dưỡng.

Về tài sản chung gồm có các loại tài sản sau:

* Về bất động sản:

+ Diện tích 10.062m^2 tại buôn Dl A, xã Dl, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo thửa đất số 160, tờ bản đồ số 103 đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số BA 780139 cho ông Dương Văn S. Tài sản trên đất là 01 căn nhà cấp 4, giếng nước, công trình phụ…được chúng tôi tạo lập trong thời kỳ hôn nhân.

+ Diện tích 6.740m^2 tại buôn Dl A, xã Dl, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo thửa đất số 158, tờ bản đồ số 103 đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số BA 780787 cho vợ chồng chúng tôi.

+ Diện tích 3.000m^2 là diện tích đất vợ chồng tôi mua của anh Dương Văn L vào năm 2012 tại buôn Dl A, xã Dl, huyện K, tỉnh Đắk Lắk . Hiện tại chưa có giấy chứng nhận QSD đất.

+ Diện tích 2.300m^2 là diện tích đất vợ chồng tôi mua của anh Dương Văn Tr, đã có giấy mua bán viết tay vào năm 2017 tại buôn Dl A, xã Dl, huyện K, tỉnh Đắk Lắk .

+ Diện tích 3.000m^2 là diện tích đất mà vợ chồng tôi khai hoang tại buôn Dl A, xã Dl, huyện K, tỉnh Đắk Lắk . Sử dụng ổn định từ năm 2014 đến nay, không có

tranh chấp, đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận QSD đất nhưng vợ chồng tôi chưa làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận QSD đất.

* Về động sản: 01 xe ô tô tải hiệu Huyndai BKS 47H-7104; 01 xe máy Honda Dream BKS 47F-6695; 01 xe cày; 01 tủ lạnh Hitachi; 01 tivi Sam Sung 49in; 01 máy trộn bột làm bánh; 01 lò nướng; 01 lò nướng; 01 lò nướng hiệu Juigian; 01 cặp lục bình gỗ; 01 bức tượng gỗ, 500kg hạt tiêu khô.

Toàn bộ tài sản trên tôi đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Về nợ chung, hiện nay chúng tôi đang nợ của Ngân hàng L – PGD B1 số tiền 470.000.000 đồng và đang trong thời hạn. Về số nợ này, tôi cũng đề nghị Tòa án giải quyết để vợ chồng tôi có trách nhiệm trả.

- *Tại bản tự khai, ông Dương Văn S trình bày:* Về hôn nhân, tôi và bà Trần Thị Lê N yêu nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn E vào ngày 11/01/2011. Trong quá trình chung sống cũng có thời gian hạnh phúc và đùm bọc nhau, tuy nhiên cũng không tránh khỏi một số vấn đề, không có tiếng nói chung cụ thể về tính cách sống của mỗi người, chưa chia xẻ được những lúc khó khăn trong cuộc sống, đánh mất niềm tin giành cho nhau. Do điều kiện và đặc thù công việc, tôi không thường xuyên ở nhà, cùng với các mối quan hệ trong xã hội mà khó giải thích nên sinh ra các mối ngờ vực. Nay nguyện vọng của tôi mong muốn quay lại vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung thì hiện tại tôi chưa có ý kiến. Sau khi Tòa án hòa giải, nếu vợ chồng không đoàn tụ được thì tôi sẽ có lời trình bày cụ thể.

- Quá trình giải quyết, đại diện Ngân hàng L - Chi nhánh K – PGD B1, ông Nguyễn Văn V trình bày: Khoản nợ trước đây của ông Dương Văn S, bà Trần Thị Lê N với Ngân hàng L - Chi nhánh K – PGD B1 với số tiền nợ gốc của các hợp đồng là 470.000.000 đồng cũng như lãi suất. Về khoản nợ chung của ông Dương Văn S, bà Trần Thị Lê N đã được tất toán xong.

Sau khi tất toán xong khoản nợ thì ngày 12/5/2022 ông Dương Văn S có vay lại của Ngân hàng L - PGD B1 số tiền 350.000.000 đồng qua hợp đồng tín dụng số 20222663538. Thời hạn vay 12 tháng, đến ngày 11/5/2023 là đến hạn trả. Hợp đồng tín dụng chỉ mỗi ông S ký và có thế chấp là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận QSD đất số BA780139 mang tên ông Dương Văn S, được UBND huyện K cấp ngày 02/8/2010.

Nay bà N và ông S đang giải quyết ly hôn thì về khoản nợ này đề nghị ông Dương Văn S phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả lãi, trả nợ gốc theo như hợp đồng tín dụng số 20222663538 mà ông S đã ký với ngân hàng ngày 12/5/2022.

Trường hợp ông Dương Văn S đến hạn trả nợ gốc (là ngày 11/5/2023) mà không thực hiện nghĩa vụ trả tiền (hoặc trả không đầy đủ) thì ngân hàng có quyền đề nghị xử lý tài sản là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận QSD đất số BA780139 theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

- Quá trình giải quyết, ông Dương Văn L trình bày: Đối với diện tích 8.258m2 tại thửa số 245, tờ bản đồ 103 đã có giấy chứng nhận QSD đất của UBND huyện K cấp ngày 25/5/2012 cho hộ ông Dương Văn L. Về nguồn gốc diện tích đất này thì nhà nước công nhận QSD đất cho tôi.

Đối với diện tích khoảng 3.000m^2 trong thửa số 162, tờ bản đồ 103 đã có giấy chứng nhận QSD đất của UBND huyện K cấp ngày 02/8/2010 cho hộ ông Dương Văn L. Về nguồn gốc diện tích đất này thì cũng được nhà nước công nhận QSD đất cho tôi.

Diện tích các thửa đất trên tôi đã giao cho em Dương Văn S mượn để canh tác. Việc cho mượn thì là do anh em ruột nên chúng tôi chỉ thoả thuận miệng với nhau.

Nay ông S, bà N ly hôn thì tôi vẫn tiếp tục giao cho ông Dương Văn S mượn để sử dụng.

- *Quá trình giải quyết, anh Dương Văn Tr trình bày:* Vào tháng 2/2017, tôi có làm giấy viết tay sang nhượng quyền sử dụng đất cho anh trai là Dương Văn S với diện tích 2.300m^2 với điều kiện phải trả cho tôi số tiền 180.000.000 đồng. Tại thời điểm viết giấy, tôi có nhận 30.000.000 đồng, số tiền còn lại ông S có hẹn trả trong thời gian ngắn. Sau một thời gian nhận thấy điều kiện anh tôi chưa đủ khả năng thanh toán số tiền còn lại nên tôi và ông Dương Văn S có thỏa thuận lại là số tiền đã nhận trước đó được xem là tiền đặt cọc đất, còn 150.000.000 đồng còn lại tôi cho anh trả dần trong 5 năm kèm tiền lãi được tính theo 10%/ năm. Nếu hết thời gian thỏa thuận mà ông S không thực hiện đúng thì tôi có quyền lấy lại đất và tài sản hình thành trên đất, kèm theo không phải bồi hoàn tiền đã nhận trước đó. Đến hiện tại, ông S vẫn chưa thực hiện được bất kỳ phần nào trong thỏa thuận nên hiện nay quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đã được ông Dương Văn S trả cho tôi kèm theo sự nhất trí của hai bên. Tôi có quyền và giấy tờ sử dụng đất trên nhưng hiện tại tôi cần vốn làm ăn nên đã thế chấp tại Ngân hàng L – PGD B1. Nếu ông Dương Văn S vẫn

muốn tiếp tục nhận quyền sử dụng đất thì chỉ cần thanh toán cho tôi số tiền còn lại là 150.000.000 đồng kèm 10% tiền lãi hàng năm.

Việc ly hôn của ông Dương Văn S không liên quan đến quyền sử dụng đất của tôi bởi trong quá trình giao dịch tài sản, tôi chỉ thực hiện với ông S cùng với việc giữa tôi và ông S không có tranh chấp gì nên trong việc ly hôn của ông S tôi không muốn liên đới.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Lê N và bị đơn ông Dương Văn S đã thỏa thuận thống nhất được về việc bà N và ông S thuận tình ly hôn. Về nợ, các đương sự (nguyên đơn, bị đơn và đại diện Ngân hàng L – PGD B1 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) đã thỏa thuận thống nhất được về số nợ, trách nhiệm trả nợ, phương thức và thời hạn trả cũng như việc xử lý tài sản đã thế chấp, cụ thể:

+ Về nợ: Ông Dương Văn S nợ Ngân hàng L - chi nhánh K – PGD B1 số tiền gốc 350.000.000 đồng + lãi suất đã thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 20222663538 ngày 12/5/2022.

+ Về trách nhiệm trả nợ: Ông Dương Văn S phải trả cho Ngân hàng L - chi nhánh K – PGD B1 số tiền gốc 350.000.000 đồng + lãi suất đã thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 20222663538 ngày 12/5/2022.

+ Về phương thức và thời hạn trả: Theo thời hạn đã được quy định trong Hợp đồng tín dụng số 20222663538 ngày 12/5/2022.

+ Về xử lý tài sản đã thế chấp:

Khi ông Dương Văn S đã trả đủ số nợ gốc và lãi suất khi đến hạn cho ngân hàng thì ngân hàng phải trả lại cho ông Dương Văn S giấy CNQSD đất số BA 780139 mang tên ông Dương Văn S.

Trường hợp, ông S không trả hoặc trả không đầy đủ cho ngân hàng thì Ngân hàng L có quyền đề nghị thi hành án xử lý tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất theo các giấy CNQSD đất số BA 780139 mang tên ông Dương Văn S để thu hồi nợ.

Về nuôi con chung cũng như phân chia tài sản thì đương sự đều đề nghị xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 37/2022/HNGĐ-ST, ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, điểm b khoản 2 Điều 59, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 213 của Bộ luật Dân sự.

Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 42; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Lê N.

1.1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Lê N và ông Dương Văn S.

1.2. Về con chung: Giao cháu Dương Trần Quốc V - sinh ngày 06/11/2011 cho ông Dương Văn S nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao cháu Dương Trần Thúy V1 - sinh ngày 02/8/2017 cho bà Trần Thị Lê N chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng (đủ 18 tuổi). Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra để giải quyết.

Ông Dương Văn S và bà Trần Thị Lê N được quyền đi lại thăm nom, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản:

1.3.1. Giao cho ông Dương Văn S được quyền sử dụng tích 10.062,1m^2 đất trồng cây lâu năm tại buôn Dl A, xã Dl, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 780139, thửa đất số 160, tờ bản đồ số 103, có tứ cận: Nam giáp thửa đất ông bà Hải Thuận, Bắc giáp đường mòn, Đông giáp đường mòn, Tây giáp thửa đất ông Dương Văn L. Tài sản trên đất và các cây trồng gắn liền đất được giữ nguyên hiện trạng tương ứng với diện tích đất đã được chia.

+ Giao cho ông Dương Văn S được quyền sử dụng diện tích 3.370m^2 đất trồng cây công nghiệp lâu năm tại buôn Dl A, xã Dl, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận QSD đất số BA 780787, có tứ cận: Đông giáp thửa đất của bà Trần Thị Lê N đã được chia, Tây giáp thửa đất ông Dương Văn L, Nam giáp đường mòn, Bắc giáp thửa đất ông Dương Văn L. Tài sản trên đất và các cây trồng gắn liền đất được giữ nguyên hiện trạng tương ứng với diện tích đất đã được chia.

+ Ông Dương Văn S được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu 01 chiếc xe ô tô tải hiệu Huyndai BKS 47K-7104; 01 tủ lạnh hai cửa đứng hiệu Hitachi; 01 tivi Sam Sung màn hình phẳng 49in; 01 lò nướng hiệu Hauswirt; 01 cặp lục bình gỗ Phượng cao 1,6m x 40cm.

1.3.2. Giao cho bà Trần Thị Lê N được quyền sử dụng diện tích 3.370m^2 đất trồng cây công nghiệp lâu năm tại buôn Dl A, xã Dl, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận QSD đất số BA 780787, có tứ cận: Đông giáp thửa đất ông bà Thủy Hiền, Tây giáp thửa đất của ông Dương Văn S đã được chia, Nam giáp đường mòn, Bắc giáp thửa đất ông Dương Văn L. Tài sản trên đất và các cây trồng gắn liền đất được giữ nguyên hiện trạng tương ứng với diện tích đất đã được chia.

Bà Trần Thị Lê N được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu 01 máy trộn bột làm bánh; 01 lò nướng hiệu Jeguan.

1.3.3. Ông Dương Văn S phải hoàn trả cho bà Trần Thị Lê N số tiền giá trị chênh lệch các tài sản là 259.377.000 đồng.

1.3.4. Ông Dương Văn L có quyền quản lý, sử dụng diện tích 3.000m^2 đất trồng cây công nghiệp lâu năm tại thửa 162, tờ bản đồ sô 103 theo giấy chứng nhận QSD đất số BA 780783 và diện tích 3.000m^2 đất trồng cây công nghiệp lâu năm tại thửa 245, tờ bản đồ sô 103 theo giấy chứng nhận QSD đất số BG 629458 tại buôn Dl A, xã Dl, huyện K, tỉnh Đắk Lắk .

1.3.5. Ông Dương Văn L phải hoàn trả giá trị tài sản cho ông Dương Văn S số tiền 165.713.000 đồng, hoàn trả cho bà Trần Thị Lê N số tiền 165.713.000 đồng.

1.3.6. Tách diện tích 2.300m^2 đất tại buôn Dl A, xã Dl, huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã nhận chuyển nhượng của anh Dương Văn Tr theo "Giấy bán đất ngày 25/02/2017" và "Giấy nhận tiền ngày 28/02/2017" để giải quyết bằng vụ án khác theo trình tự, thủ tục về: Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, khi đương sự có đơn yêu cầu.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nợ chung, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 04/10/2022, ông Dương Văn S kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm tạm thời chưa giao cháu Dương Trần Thúy V1 cho bà Trần Thị Lê N; Làm rõ1.500kg tiêu đen khô được kí gửi ở đại lý Ngọc Bé thuộc xã Dl, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và xem xét thẩm định và định giá lại tài sản chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy,

Đối với yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ và định giá lại tài sản: Nhận thấy, Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót trong việc thông báo kết quả xem xét thẩm định và định giá tài sản cho ông S, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông S nên việc ông S đề nghị xem xét thẩm định tại chỗ và định giá lại tài sản là có căn cứ.

Tại buổi định giá tài sản ngày 08/3/2023 của Hội đồng định giá do Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thành lập xác định giá trị cây trồng trên đất là là giá trị cây xen canh không phải cây chuyên canh như biên bản định giá tài sản ngày 28/4/2022 do Hội đồng định giá Tòa án nhân dân huyện K thành lập, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 37/2022/HNGĐ-ST, ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện K về phần chia tài sản chung đối với tài sản trên thửa đất số 160, tờ bản đồ số 103, địa chỉ buôn Dl A, xã Dl, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cho phù hợp.

Đối với yêu cầu kháng cáo tạm thời chưa giao cháu Dương Trần Thúy V1 cho bà Trần Thị Lê N; Làm rõ1.500kg tiêu đen khô được kí gửi ở đại lý Ngọc Bé thuộc xã Dl, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, thấy tại biên bản làm việc ngày 13/02/2023, ông Dương Văn S đã rút các yêu cầu này, nên đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm đình chỉ các yêu cầu kháng cáo này của ông S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thời hạn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Dương Văn S nộp trong hạn luật định, đã đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Về tống đạt các văn bản tố tụng:

Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị Lê N cung cấp thông tin địa chỉ của bà N cho Tòa án cấp sơ thẩm là Buôn Dl A, xã Dl, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ tạm trú: 79 NY, phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tại cấp phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; niêm yết theo quy định pháp luật thông báo chuyển lịch tại địa chỉ nơi bà N cung cấp tuy nhiên chính quyền địa phương xác định bà N không còn

ở địa phương; việc bà N thay đổi địa chỉ mà không thông báo, cung cấp cho Tòa án nên bà Trần Thị Lê N đã vi phạm nghĩa vụ được quy định tại khoản 3 Điều 70 Luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự

Như nhận định tại phần [1.2], Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Trần Thị Lê N tại địa chỉ bà N cung cấp cho Tòa án, tuy nhiên bà N vi phạm nghĩa vụ được quy định tại khoản 3 Điều 70 Luật Tố tụng Dân sự, vì vậy Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm quyết định xét xử vắng mặt bà Trần Thị Lê N là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét kháng cáo của ông Dương Văn S:

[2.1] Đối với yêu cầu kháng cáo tạm thời chưa giao cháu Dương Trần Thúy V1 cho bà Trần Thị Lê N; Làm rõ 1.500kg tiêu đen khô được kí gửi ở đại lý Ngọc Bé thuộc xã Dl, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Tại biên bản làm việc ngày 13/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và tại phiên tòa, ông Dương Văn S rút yêu cầu kháng cáo tạm thời chưa giao cháu Dương Trần Thúy V1 cho bà Trần Thị Lê N; Làm rõ 1.500kg tiêu đen khô được kí gửi ở đại lý Ngọc Bé thuộc xã Dl, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, nên HĐXX phúc thẩm xét thấy cần đình chỉ yêu cầu này của ông Dương Văn S theo quy định tại khoản 3 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Đối với yêu cầu xem xét thẩm định và định giá lại tài sản chung của vợ chồng: HĐXX xét thấy:

Tại biên bản làm việc ngày 13/02/2023 và tại phiên tòa, ông Dương Văn S cho rằng ông không có mặt tại các buổi xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản của Tòa án nhưng Tòa án không tống đạt các biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản cho ông S; Xét hồ sơ vụ án, không thể hiện việc Tòa án cấp sơ thẩm tống đạt biên bản xem xét thẩm định và định giá tài sản cho ông S. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm khoản 5 Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ và định giá lại của ông Dương Văn S ngày 31/01/2023, ông S chỉ yêu cầu xem xét thẩm định và định giá lại các tài sản trên đất của thửa đất số 160, tờ bản đồ số 103, địa chỉ buôn Dl A, xã Dl, huyện K.

Do các đương sự không thỏa thuận được về giá và thuê đơn vị định giá nên ông S đề nghị Tòa án thành lập Hội đồng định giá.

Ngày 08/3/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tiến hành xem xét, thẩm định lại tài sản trên đất đối với thửa đất số 160, tờ bản đồ số 103, địa chỉ buôn Dl A, xã Dl, huyện K.

[2.3] Xét tài sản trên đất: Đối với diện tích 10.062,1m^2 đất (trồng vây công nghiệp lâu năm) theo thửa 160 của tờ bản đồ số 103 tại buôn Dl A, xã Dl, huyện K, tỉnh Đắk Lắk , được UBND huyện K cấp ngày 02/8/2010 theo giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 780139 cho ông Dương Văn S.

Quá trình sử dụng, bà Trần Thị Lê N và ông Dương Văn S đã tạo lập được trên diện tích 10.062,1m^2 của thửa số 160 một số tài sản như sau:

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/4/2022 xác định tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà xây xấp 4, mái lợp tôn, tường xây gạch không tô, nền nhà láng xi măng có diện tích 53,4m2 được xây dựng năm 2016; 01 căn nhà kho (liền kề) mái lợp tôn, tường xây gạch không tô, nền láng xi măng có diện tích 18,6m2 được xây dựng vào tháng 8/2021; diện tích 256m^2 sân nền láng xi măng vào năm 2016; 01 giếng đào sâu 18m x 1,2m; 46 cây cau trồng năm 2016 + 36 cây trồng năm 2019; 23cây bơ 034 ghép năm 2019; 10 cây sầu riêng Dona trồng 2012 + 62 cây trồng 2019; 849 cây cà phê vối trồng các năm 2017, 2018; Tổng giá trị tài sản trên đất là 394.954.000 đồng.

Tuy nhiên, ông Dương Văn S không đồng ý với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản vì cho rằng kết quả xem xét thẩm định tại chỗ là chưa chính xác về số lượng và kết cấu tài sản; kết quả định giá tài sản là sai vì cây trồng của gia đình ông S là cây xen canh nhưng hội đồng lại áp giá của cây trồng chuyên canh.

Ngày 08/3/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tiến hành xem xét thẩm định và định giá lại các tài sản trên đất. Kết quả thể hiện tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4; 01 giếng sâu 12m; 01 sân nền láng xi măng; cây trồng trên đất gồm có: 50 cây cau; 16 cây bơ; 67 cây sầu riêng; 750 cây cà phê vối (Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/3/2023).

Tại buổi định giá ngày 08/3/2023 của Hội đồng định giá do Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tổ chức, Hội đồng định giá đã áp giá cây trồng xen canh và xác định được tài sản có giá trị là: 316.398.740 đồng.

Sau khi xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tống đạt các biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá ngày 08/3/2023 cho các đương sự trong vụ án để thực hiện quyền khiếu nại theo Điều 70

Bộ luật tố tụng dân sự; hết thời hạn, các đương sự không có ý kiến hay yêu cầu khiếu nại, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sử dụng biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá ngày 08/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk làm căn cứ giải quyết vụ án là có căn cứ.

Về nguồn gốc đất: Ông S được tặng cho riêng và có trước khi kết hôn nên đây là tài sản riêng của ông Dương Văn S nhưng tài sản gắn liền với đất thì do hai người cùng tạo lập nên trong thời kỳ hôn nhân nên ông S phải có trách nhiệm về tài sản chung mà vợ chồng đã tạo lập. Cần xác định giữa bà N và ông S có công sức ngang nhau nên được hưởng theo tỷ phần ngang nhau. Như vậy, phần giá trị cây trồng, tài sản trên đất mà bà N và ông S tạo dựng có giá 316.398.740 đồng, nên buộc ông Dương Văn S phải trả cho bà N tiền công sức đóng góp bằng ½ giá trị tài sản, cụ thể là 316.398.740 đồng : 2 = 158.199.370 đồng (Một trăm năm mươi tám triệu một trăm chín mươi chín ngàn ba trăm bảy mươi đồng).

[2.4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[3] Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 10.400.000 đồng, bà N, ông S mỗi người phải chịu 5.200.000 đồng. Bà N đã đóng 6.000.000 đồng, ông S đã đóng 4.400.000 đồng. Bà N được trả lại 800.000 đồng khi ông S thực hiện xong nghĩa vụ.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông Dương Văn S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Dương Văn S. Sửa nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 37/2022/HNGĐ-ST, ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, điểm b khoản 2 Điều 59, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 213 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 70; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 289; khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Lê N.

1.1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Lê N và ông Dương Văn S.

1.2. Về con chung: Giao cháu Dương Trần Quốc V - sinh ngày 06/11/2011 cho ông Dương Văn S nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao cháu Dương Trần Thúy V1 - sinh ngày 02/8/2017 cho bà Trần Thị Lê N chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng (đủ 18 tuổi). Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra để giải quyết

Ông Dương Văn S và bà Trần Thị Lê N được quyền đi lại thăm nom, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản:

1.3.1. Giao cho ông Dương Văn S được quyền sử dụng tích 10.062,1m^2 đất trồng cây lâu năm tại buôn Dl A, xã Dl, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 780139, thửa đất số 160, tờ bản đồ số 103, có tứ cận: Nam giáp thửa đất ông bà Hải Thuận, Bắc giáp đường mòn, Đông giáp đường mòn, Tây giáp thửa đất ông Dương Văn L. Tài sản trên đất và các cây trồng gắn liền đất được giữ nguyên hiện trạng tương ứng với diện tích đất đã được chia.

+ Giao cho ông Dương Văn S được quyền sử dụng diện tích 3.370m^2 đất trồng cây công nghiệp lâu năm tại buôn Dl A, xã Dl, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận QSD đất số BA 780787, có tứ cận: Đông giáp thửa đất của bà Trần Thị Lê N đã được chia, Tây giáp thửa đất ông Dương Văn L, Nam giáp đường mòn, Bắc giáp thửa đất ông Dương Văn L. Tài sản trên đất và các cây trồng gắn liền đất được giữ nguyên hiện trạng tương ứng với diện tích đất đã được chia.

+ Ông Dương Văn S được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu 01 chiếc xe ô tô tải hiệu Huyndai BKS 47K-7104; 01 tủ lạnh hai cửa đứng hiệu Hitachi; 01 tivi Sam Sung màn hình phẳng 49in; 01 lò nướng hiệu Hauswirt; 01 cặp lục bình gỗ Phượng cao 1,6m x 40cm.

1.3.2. Giao cho bà Trần Thị Lê N được quyền sử dụng diện tích 3.370m^2 đất trồng cây công nghiệp lâu năm tại buôn Dl A, xã Dl, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận QSD đất số BA 780787, có tứ cận: Đông giáp thửa đất ông bà Thủy Hiền, Tây giáp thửa đất của ông Dương Văn S đã được chia, Nam giáp đường mòn, Bắc giáp thửa đất ông Dương Văn L. Tài sản trên đất và các cây trồng gắn liền đất được giữ nguyên hiện trạng tương ứng với diện tích đất đã được chia.

Bà Trần Thị Lê N được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu 01 máy trộn bột làm bánh; 01 lò nướng hiệu Jeguan.

1.3.3. Ông Dương Văn S phải hoàn trả cho bà Trần Thị Lê N số tiền giá trị chênh lệch các tài sản là 259.377.000 đồng.

1.3.4. Ông Dương Văn L có quyền quản lý, sử dụng diện tích 3.000m^2 đất trồng cây công nghiệp lâu năm tại thửa 162, tờ bản đồ sô 103 theo giấy chứng nhận QSD đất số BA 780783 và diện tích 3.000m^2 đất trồng cây công nghiệp lâu năm tại thửa 245, tờ bản đồ sô 103 theo giấy chứng nhận QSD đất số BG 629458 tại buôn Dl A, xã Dl, huyện K, tỉnh Đắk Lắk .

1.3.5. Ông Dương Văn L phải hoàn trả giá trị tài sản cho ông Dương Văn S số tiền 165.713.000 đồng, hoàn trả cho bà Trần Thị Lê N số tiền 165.713.000 đồng.

1.3.6. Tách diện tích 2.300m^2 đất tại buôn Dl A, xã Dl, huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã nhận chuyển nhượng của anh Dương Văn Tr theo "Giấy bán đất ngày 25/02/2017" và "Giấy nhận tiền ngày 28/02/2017" để giải quyết bằng vụ án khác theo trình tự, thủ tục về: Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, khi đương sự có đơn yêu cầu.

1.4. Về nợ:

1.4.1. Bà Trần Thị Lê N phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Dương Văn S số tiền 252.850.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

1.4.2. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

+ Về nợ: Ông Dương Văn S nợ Ngân hàng L - chi nhánh K – PGD B1 số tiền gốc 350.000.000 đồng + lãi suất đã thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 20222663538 ngày 12/5/2022.

+ Về trách nhiệm trả nợ: Ông Dương Văn S phải trả cho Ngân hàng L - chi nhánh K – PGD B1 số tiền gốc 350.000.000 đồng + lãi suất đã thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 20222663538, ngày 12/5/2022.

+ Về phương thức và thời hạn trả: Theo thời hạn đã được quy định trong Hợp đồng tín dụng số 20222663538, ngày 12/5/2022.

+ Về xử lý tài sản đã thế chấp:

Khi ông Dương Văn S đã trả đủ số nợ gốc và lãi suất khi đến hạn cho ngân hàng thì ngân hàng phải trả lại cho ông Dương Văn S giấy CNQSD đất số BA 780139 mang tên ông Dương Văn S.

Trường hợp, ông S không trả hoặc trả không đầy đủ cho ngân hàng thì Ngân hàng L có quyền đề nghị thi hành án xử lý tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất theo các giấy CNQSD đất số BA 780139 mang tên ông Dương Văn S để thu hồi nợ.

1.5. Đình chỉ yêu cầu kháng cáo về tạm thời chưa giao cháu Dương Trần Thúy V1 cho bà Trần Thị Lê N; Làm rõ1.500kg tiêu đen khô được kí gửi ở đại lý Ngọc Bé thuộc xã Dl, huyện K, tỉnh Đắk Lắk của ông Dương Văn S.

1.6. Về án phí và chi phí tố tụng:

1.6.1. Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 10.400.000 đồng, bà N, ông S mỗi người phải chịu 5.200.000 đồng. Bà N đã đóng 6.000.000 đồng, ông S đã đóng 4.400.000 đồng. Bà N được trả lại 800.000 đồng khi ông S thực hiện xong nghĩa vụ.

1.6.2. Về án phí:

Về án phí sơ thẩm

Bà Trần Thị Lê N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình và 21.591.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 36.929.000 đồng mà bà N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số 0002981 ngày 20/9/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K. Hoàn trả cho bà Trần Thị Lê N số tiền còn lại sau khi đã khấu trừ là 15.038.000 đồng.

Ông Dương Văn S phải chịu 21.591.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Dương Văn L phải chịu 16.571.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Ông Dương Văn S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông S đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai thu tiền số 60AA/2021/0009287, ngày 14/10/2022.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- *TAND cấp cao tại Đà Nẵng;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *Tòa án nhân dân huyện K;*
- *Chi cục THADS huyện K;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Duy Thuấn